

Số: **14** /2021/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày **28** tháng 7 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2019/NĐ-CP ngày 23/9/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025.

**Điều 2.** Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh có trách nhiệm quản lý, sử dụng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương đúng mục đích, cho vay đúng đối tượng để đạt hiệu quả theo các quy định của pháp luật và quy định tại Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 8 năm 2021.

Quyết định này thay thế Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 25/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- Bộ: Tài chính, LĐTBXH;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, LĐTBXH, Xây dựng, KH&ĐT, Tư pháp;
- Tổng Giám đốc NHCSXH;
- CN Ngân hàng CSXH tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, KT. **CE**

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Lê Văn Hân**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

3

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác  
qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo  
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh  
giai đoạn 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số: **14** /2021/QĐ-UBND ngày **28** tháng 7 năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

### **Chương I** **QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ ngân sách ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn: Cơ quan Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội; các sở, ban ngành tỉnh, các tổ chức, cá nhân có liên quan và các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác.

b) Các đối tượng cho vay theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác (sau đây viết tắt là Nghị định số 78) và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

c) Đối tượng cho vay là người lao động, học sinh, sinh viên có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đi làm việc, học tập ở nước ngoài (áp dụng theo khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về chính sách hỗ trợ người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đi làm việc, học tập ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2021-2025).

d) Đối tượng cho vay là hộ gia đình có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Trà Vinh được công nhận là hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia

quy định từng thời kỳ, có trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm được hỗ trợ, có khó khăn về nhà ở (áp dụng theo khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định về chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025).

e) Các đối tượng doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, người lao động có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định của Luật Việc làm và quy định của Chính phủ.

## **Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác**

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương trích hàng năm (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và khả năng cân đối ngân sách) ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách cấp tỉnh), Hội đồng nhân dân cấp huyện (đối với ngân sách cấp huyện) quyết định.

2. Nguồn vốn còn lại tại thời điểm giải thể của Quỹ giải quyết việc làm địa phương lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

4. Nguồn Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Quy chế này.

## **Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH**

Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH phải được thực hiện theo nguyên tắc cho vay đúng đối tượng, sử dụng vốn vay đúng mục đích, hiệu quả; việc trích lập, giải ngân, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH đúng quy định của pháp luật và quy định tại Quy chế này.

## **Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 4. Cơ chế cho vay**

1. Cho vay đối với người lao động, học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh đi làm việc, học tập ở nước ngoài (theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

a) Điều kiện vay vốn, mức vay, thời hạn vay, lãi suất cho vay: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 09/11/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Hình thức cho vay: Cho vay tín chấp (người vay không phải thế chấp tài sản đảm bảo).

c) Phương thức cho vay, quy trình cho vay, thủ tục cho vay, định kỳ hạn trả nợ, thu nợ, thu lãi, xử lý nợ bị rủi ro, kiểm tra, đối chiếu nợ... thực hiện theo các văn bản hiện hành của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

d) Ngân hàng Chính sách xã hội giải ngân trực tiếp các khoản chi phí hợp lý cho người lao động, học sinh, sinh viên (bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản); chuyển khoản cho doanh nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo yêu cầu của người lao động.

2. Cho vay hỗ trợ cải thiện nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Trà Vinh (theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

a) Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Hình thức hỗ trợ: cho vay

- Mức cho vay, lãi suất cho vay, thời hạn vay và phương thức cho vay: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND ngày 19/3/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

3. Cho vay các đối tượng có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

a) Mức cho vay: Áp dụng theo mức do Chính phủ quy định. Mức cho vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

b) Thời hạn cho vay tối đa 120 tháng. Thời hạn vay vốn cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội xem xét căn cứ vào nguồn vốn, chu kỳ sản xuất, kinh doanh, khả năng trả nợ của đối tượng vay vốn để thỏa thuận với đối tượng vay vốn.

c) Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất vay vốn đối với hộ cận nghèo theo quy định pháp luật về tín dụng đối với hộ cận nghèo. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay.

d) Phương thức cho vay, quy trình thủ tục cho vay, định kỳ trả nợ, xử lý rủi ro... thực hiện theo các văn bản hiện hành của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính

sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm.

4. Cho vay các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định: NHCSXH thực hiện cho vay đúng đối tượng được quy định trong nội dung Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Quy trình nghiệp vụ cho vay, thực hiện theo các văn bản hiện hành của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

#### **Điều 5. Ủy quyền ký hợp đồng ủy thác**

1. Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện ký hợp đồng ủy thác với Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

#### **Điều 6. Quy trình chuyển nguồn vốn ủy thác**

1. Cấp tỉnh: Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Trà Vinh lập Tờ trình đề nghị Sở Tài chính chuyển nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH. Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của NHCSXH, Sở Tài chính lập thủ tục cấp kinh phí bằng hình thức lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định;

2. Cấp huyện: Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện và Quyết định giao dự toán của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện lập Tờ trình đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện chuyển nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH. Chậm nhất 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện lập thủ tục cấp kinh phí bằng hình thức lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành, chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo quy định.

#### **Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay**

1. Mục đích sử dụng vốn vay theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định cho vay đối tượng chính sách khác tại địa phương.

2. Đối với người lao động, học sinh, sinh viên đi làm việc, học tập ở nước ngoài sử dụng vốn vay để trả các khoản chi phí theo hợp đồng.

3. Đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn tỉnh Trà Vinh sử dụng vốn vay để trả chi phí cho việc xây dựng nhà ở hoặc sửa chữa nhà ở.

4. Doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, người lao động có nhu cầu vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo quy định của Luật Việc làm và quy định của Chính phủ.

5. Đối với các đối tượng chính sách khác thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

#### **Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

1. Về gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn do Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

#### **Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay**

1. Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân của các khoản cho vay để chi trả hoa hồng cho Tổ Tiết kiệm vay vốn, chi trả phí ủy thác cho các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác và các khoản chi về: dịch vụ thanh toán, ngân quỹ, chi hoạt động quản lý và công vụ... mức phí quản lý là 0,4%/tháng trên dư nợ cho vay bình quân. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách cùng cấp. Mức trích tối đa 15% số tiền lãi thu được, cụ thể:

- Trích 14% số tiền lãi thu được chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

- Trích 1% cho các cơ quan thường trực quản lý các đối tượng được vay vốn theo từng chương trình cho vay.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập và một số nội dung, mức chi đặc thù phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

### **Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro**

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác, NHCSXH phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch Đầu tư, Tài chính và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro, cơ quan Tài chính các cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, NHCSXH báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

### **Điều 11. Chế độ báo cáo**

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi



nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính – Kế hoạch.

#### **Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán**

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

### **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

1. Cơ quan Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện và tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cùng cấp:

a) Bố trí nguồn vốn từ ngân sách ủy thác qua NHCSXH, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn, thực hiện kiểm tra việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương qua NHCSXH.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với trường hợp quy mô của nợ xóa vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

d) Phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này.

e) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

#### **2. Cơ quan Lao động – Thương binh và xã hội**

a) Chủ trì, phối hợp với NHCSXH lập kế hoạch vốn hàng năm gửi cơ quan Tài chính tổng hợp.

b) Phối hợp với cơ quan Tài chính, NHCSXH và các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác từ ngân sách địa phương qua NHCSXH đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định hiện hành.

c) Phối hợp với cơ quan Tài chính và NHCSXH thẩm tra hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

### 3. Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh và ngân sách huyện ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách huyện ủy thác qua NHCSXH trước ngày 15 tháng 01 năm sau.

### 4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay; tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

### 5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này.

b) Căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tình hình thực tế tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện phê duyệt bổ sung nguồn vốn ủy thác qua NHCSXH để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác tại địa phương theo quy định.

c) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện một số nội dung sau:

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

- Phối hợp với NHCSXH, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

- Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia Tổ đôn đốc thu hồi nợ khó đòi.

**Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân vay vốn**

1. **Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.**
2. **Sử dụng vốn vay đúng mục đích.**
3. **Hoàn trả nợ gốc, lãi đúng quy định.**

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng để phối hợp nghiên cứu, thống nhất đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế **nhằm đảm bảo sử dụng nguồn vốn ủy thác đúng mục đích, hiệu quả./.**